



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 37/2021

(14/09/2021 – 20/09/2021)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI tiếp tục tăng thêm 140 điểm so với tuần trước. Mức ghi nhận hiện tại 4.303 điểm của tuần này là cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Kể từ tháng 11/2020, thị trường liên tục biến động song vẫn đi theo xu hướng tăng đều. Tuần này bùng nổ giao dịch với hơn 25 tàu mua bán thành công ở hầu hết các phân khúc. Một giao dịch đáng chú ý tuần qua là chủ tàu Na Uy bán 7 tàu Handysize cho CDB Leasing với giá 100 triệu đô la Mỹ kèm điều khoản cho Clipper thuê lại tàu. Thông tin cụ thể gồm các tàu ~31.600 – 34.000 dwt đóng Trung Quốc: **SFL Dee** (đóng 2013), **SFL Trent**, **SFL Kent**, **SFL Tyne**, **SFL Clyde** (đóng 2012), **SFL Spey**, **SFL Medway** (đóng 2011). Tuần này, người mua Hong Kong Taylor Maritime trở lại với giao dịch mua tàu **Maritime Faith** (33.166 dwt, đóng 2011 Nhật) với giá 16,75 triệu đô la Mỹ. Chủ tàu Nhật đã lắp hệ thống xử lý nước dằn cho tàu cũng như hoàn tất lên đà DD/SS tháng 11/2020. Tháng trước, Taylor Maritime cũng mua tàu tương tự là **Sakura Kobe** (33.735 dwt, đóng 2011 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, đà DD 10/2022, SS 11/2024) với giá 16,15 triệu đô la Mỹ. Một tàu đóng 2011 khác tại Hàn là **Hamburg Pearl** (36.266 dwt, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 01/2024, SS 01/2026) xác nhận đã bán thành công với giá 18,5 triệu đô la Mỹ, cao hơn hẳn 2 triệu so với giao dịch bất thành tháng trước. Nhìn tổng thể các phân khúc đều tăng trưởng đồng đều và sức mua vẫn đang rất mạnh mẽ. Nên việc các mốc tham chiếu cũ tiếp tục bị xô đổ trong thời gian tới là điều hoàn toàn khả thi.

Trái ngược với mảng tàu hàng khô, mảng tàu dầu vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn. Rất nhiều kỳ vọng thị trường sẽ phục hồi vào Quý 4/2021, tuy nhiên đến thời điểm báo cáo, vẫn chưa có một tín hiệu khả quan nào. Thị trường tàu Aframax / MR dưới 10 tuổi hiện nay cũng rất khan hiếm tàu chào bán, trong khi đó, đa phần các tàu đang được chào bán đều đóng từ trước 2008. Tuần trước Stena Bulk bán thành công cặp tàu chị em **Stena Important** và **Stena Image** (~49.700 dwt, đóng 2015 Trung Quốc) với giá chưa được tiết lộ. Tuần này Stena Bulk tiếp tục bán tàu **Stena Imperial** (49.750 dwt, đóng 2015 Trung Quốc) với giá 29 triệu đô la Mỹ. Một tàu già hơn cũng đóng Trung Quốc là **Angel No. 5** (46.829 dwt, đóng 2009), chủ tàu Singapore Winson Oil Trading bán tàu cho người mua IMS với giá 11,8 triệu đô la Mỹ. Tàu có hạn đà còn xa DD 05/2022, SS 05/2024. Vì không có tàu tương tự so sánh nên đây sẽ là mốc tham chiếu mới cho tàu dạng này. Một cặp tàu MR ~50.000 dwt khác là **Yellow Stars** (đóng 2021 Hàn) và **Green Stars** (đang đóng, dự kiến bàn giao đầu năm 2022) đã bán cho Hafnia Tankers với giá 35 triệu đô la Mỹ/tàu. Cặp tàu dự kiến sẽ cho Clearlake, cũng là công ty thuê tàu **Yellow Stars** hiện tại, tiếp tục thuê. Ở phân khúc tàu nhỏ, ghi nhận PT Samudera của Indonesia mua tàu J19 **FSL London** (19.966 dwt, đóng 2006 Nhật) với giá 10,2 triệu đô la Mỹ. Giá bán tàu khá rẻ vì tàu phải lên đà DD/SS ngay trong tháng này. Tình trạng này y hệt tàu chị em **FSL New York** (19.970 dwt, đóng 2006 Nhật, hạn lên đà DD/SS 09/2021) bán cuối tháng 8 với giá 10 triệu đô la Mỹ. Tuy nhiên nếu so sánh xa hơn vào cuối tháng 7, tàu **Celsius Manhattan** (19.807 dwt, đóng 2006 Nhật) vẫn bán được giá 11,5 triệu đô la Mỹ cho người Mua Đài Loan dù hạn đà cũng rất gần DD/SS 10/2021. Thị trường J19 đóng từ năm 2007 trở lại đây hiện tại đang rất khan hiếm tàu và đa phần các chủ tàu không thực sự muốn bán do kỳ vọng thị trường sẽ tốt hơn trong thời kỳ hậu Covid.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Price m.usd	Buyers	Comment
<i>BULKERS</i>						
Prosperous	2011	Korea	179,100	31.00	Turkish, Beks Shipping and Trading	BWTS fitted, Dely 10/2021, DD/SS due
CHS Magnificence	2006	China	173,541	19.15	Navitas Compania Maritime	BWTS fitted, M/E Wartsila, DD/SS due 09/2021
LDN Fortuna	2011	China	93,251	19.70	Chinese	Dely 01/2022, BWTS fitted, DD/SS due 11/2021
Lowlands Nello	2015	Japan	82,014	32.20	Greek, Neda Maritime	BWTS fitted, DD 06/2023, SS 06/225
Great Talent	2005	Japan	76,773	17.00	Chinese	BWTS fitted, DD 02/2023, SS 01/2025
Bellamys	2005	Japan	76,286	17.00	Chinese	BWTS fitted, DD 01/2023, SS 01/2025
Shao Shan 5	2012	China	75,700	20.90	Undisclosed	Auction sale, dely 01/2022, BWTS fitted, DD/SS 06/2022
Mahavir	2000	Japan	74,005	11.90	Undisclosed	DD 06/2023, SS 03/2025
Sea Arirang	1994	Japan	71,535	6.80	Chinese	Dely 11/2021, DD/SS due 12/2021
Trans Oceanic	2012	Japan	58,168	22.50	Bangladeshi	BWTS fitted, DD/SS passed 05/2021
Great Amity	2004	Japan	56,050	15.70	Chinese	Dely 11-12/2021, DD 09/2022, SS 09/2024
Ingenious	2011	Hyundai-Vinashin, Vietnam	55,648	17.80	Undisclosed	Dely 02/2022, DD/SS passed 05/2021, next DD 04/2024, SS 10/2025
Gutian Loyal	2004	Japan	52,686	13.80	Undisclosed	BWTS fitted, DD 08/2022, SS 11/2024
Kaiwo Maru	2011	Japan	50,433	19.20	Undisclosed	Dely end 2021-early 2022, DD 09/2023, SS 11/2025
Hamburg Pearl	2011	Korea	36,266	18.50	Undisclosed	OHBS, BWTS fitted, DD 01/2024, SS 01/2026
Ocean Rider	2009	Korea	34,250	14.00	Undisclosed	DD 01/2023, SS 10/2024
SFL Trent	2012	China	34,025			Enbloc, tier II, incl TC to Clipper, SFL Trent (DD/SS 01/2022), SFL Kent (DD/SS 03/2022), SFL Spey & SFL Medway (DD/SS freshly passed 08/2021), SFL Tyne (DD/SS due 02/2022), SFL Dee (DD 03/2023, SS 12/2022), SFL Clyde (DD 09/2022, SS 06/2024), Norwegian owner
SFL Kent	2012	China	34,003			
SFL Spey	2011	China	33,985			
SFL Medway	2011	China	33,800	100.00	CDB Leasing	
SFL Tyne	2012	China	31,905			
SFL Dee	2013	China	31,716			
SFL Clyde	2012	China	31,639			
Maritime Faith	2011	Japan	33,166	16.75	Hong Kong, Taylor Maritime	OHBS, BWTS fitted, DD 11/2023, SS 02/2026
Serenity C	2011	China	31,754	13.50	Norwegian, Vega Bulk Carriers	DD/SS due 09/2021, Greek owner
Vantage Key	2004	Japan	29,870	Undisclosed	Undisclosed	Grab fitted, DD 03/2022, SS 09/2024

Narew	2012	China	17,060	9.30	Undisclosed	Single decker, CR 3X30T, ice class, DD/SS 03/2022, Polish owner
TANKERS						
KHK Vision	2007	Korea	305,749	32.00	Greek	DD/SS 03/2022
Marmara Sea	2009	Japan	105,860	23.00	Thai, TMN	Old sale in 07/2021
Yellow Stars	2021	Korea	49,999	35.00	Danish, Hafnia Tankers	Enbloc, Green Stars is to be dely 01/2022, chemical IMO II, incl 5 years TC to Clearlake
Green Stars	2022	Korea	50,000	35.00		
Stena Imperial	2015	China	49,750	29.00	Chinese	Incl 5 years BBB, scrubber fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 10/2023, SS 06/2025
Angel No. 5	2009	China	46,829	11.80	IMS	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD 05/2022, SS 05/2024
FSL London	2006	Japan	19,966	10.20	Indonesian, PT Samudera	Incl TC for 3-5 years, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS due 09/2021
CONTAINER						
Conti Everest	2004	Korea	101,661	78.00	Swiss, MSC	8238 teu, DD 10/2023, SS 06/2025
Cape Chronos	2015	HHIC, Philippines	79,294	135.00	Undisclosed	6865 teu, DD 08/2023, SS 06/2025
E. R. Sweden	2002	Korea	68,025	41.90	Mount Street Capital	5762 teu, incl TC, DD/SS 09/2022
MP The Law	2009	HHIC, Philippines	52,315	58.30	Swiss, MSC	4330 teu, DD 03/2023, SS 01/2023
MP The Brown	2009	HHIC, Philippines	52,315	58.30		4330 teu, DD 02/2023, SS 11/2024
Boston Trader	2004	Netherlands	12,930	17.00	Undisclosed	1083 teu, fully cellular, CR 2X4T, ice class, DD 02/2023, SS 08/2024

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

		Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)			Trong 5 năm qua		
		Ngày 17/09	Ngày 13/08	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPE SIZE							
180k dwt	Resale	57.50	55.00	4.5	34.5	47.2	57.5
180k dwt	5 tuổi	44.00	42.00	4.8	23.0	31.0	44.0
170k dwt	10 tuổi	34.25	31.00	10.5	12.0	21.7	34.3
150k dwt	15 tuổi	22.00	21.00	4.8	6.5	13.4	22.0
PANAMAX							
82k dwt	Resale	39.00	37.00	5.4	22.5	29.5	39.0
82k dwt	5 tuổi	33.00	31.50	4.8	11.5	21.7	33.0
76k dwt	10 tuổi	25.00	23.25	7.5	7.3	13.7	25.0
74k dwt	15 tuổi	17.50	17.00	2.9	3.5	9.0	17.5
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	36.00	35.50	1.4	19.0	26.9	36.0
58k dwt	5 tuổi	29.00	27.50	5.5	11.0	17.0	29.0
56k dwt	10 tuổi	21.50	19.50	10.3	6.0	12.3	21.5
52k dwt	15 tuổi	16.00	15.00	6.7	3.5	8.1	16.0

		Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)			Trong 5 năm qua		
		Ngày 17/09	Ngày 13/08	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	98.00	98.00	0.0	82.0	91.4	106.0
310k dwt	5 tuổi	70.50	72.50	-2.8	60.0	68.1	83.0
250k dwt	10 tuổi	47.00	50.50	-6.9	38.0	45.8	58.0
250k dwt	15 tuổi	33.50	36.50	-8.2	21.5	30.1	40.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	68.00	68.00	0.0	54.0	62.3	72.0
150k dwt	5 tuổi	48.50	49.50	-2.0	40.0	47.0	62.0
150k dwt	10 tuổi	32.50	33.50	-3.0	25.0	32.1	44.5
150k dwt	15 tuổi	18.00	19.00	-5.3	16.0	19.4	24.0
AFRIMAX							
110k dwt	Resale	56.00	56.00	0.0	43.5	49.4	56.0
110k dwt	5 tuổi	40.50	40.50	0.0	29.5	35.4	47.5
105k dwt	10 tuổi	26.50	26.50	0.0	18.0	23.5	32.5
105k dwt	15 tuổi	16.50	16.50	0.0	11.0	14.3	21.0

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	30.00	29.00	3.4	17.0	22.1	30.0
37k dwt	5 tuổi	25.00	23.50	6.4	7.8	14.9	25.0
32k dwt	10 tuổi	17.50	16.25	7.7	6.0	9.6	17.5
28k dwt	15 tuổi	10.00	9.50	5.3	3.5	5.7	10.0

MR

52k dwt	Resale	39.00	39.00	0.0	33.0	36.6	40.0
52k dwt	5 tuổi	28.50	28.50	0.0	23.0	26.9	31.0
45k dwt	10 tuổi	18.00	20.00	-10.0	14.5	17.9	21.0
45k dwt	15 tuổi	11.50	13.50	-14.8	9.0	11.0	13.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulker	88,000 dwt	34.00	3	CSSC Chengxi	Ciner, Turkey	SH 2024	Price per unit
Tanker	50,000 dwt	52.00	1	K Shipping (formerly STX Korea)	Louis Dreyfus	Q2 2024	LNG/dual-fuelled
Asphalt tanker	37,000 dwt	39.00	1	CSSC Chengxi	Vitol	FH 2024	
Container	7,000 teu	120.00	6	Samsung	CMA-CGM	Late 2023 – Nov 2024	Price per unit, LNG dual-fuelled

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Trong 5 năm qua					
	Ngày 17/09	Ngày 13/08	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Trong 5 năm qua					
	Ngày 17/09	Ngày 13/08	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất

TÀU HÀNG KHÔ

Capesize (180.000 dwt)	60.0	60.0	0.0	41.8	48.1	60.0
K.sarmax (82.000 dwt)	36.0	36.0	0.0	24.3	29.2	36.0
P.max (77.000 dwt)	33.8	33.8	0.0	23.8	28.2	33.8
Ultramax (64.000 dwt)	33.0	33.0	0.0	22.3	27.2	33.0
Handysize (37.000 dwt)	29.5	29.5	0.0	19.5	23.5	29.5

TÀU DẦU

VLCC (300.000 dwt)	106.0	102.5	3.4	80.0	89.0	106.0
S.max (170.000 dwt)	73.0	70.5	4.3	53.0	59.0	73.0
A.max (115.000 dwt)	58.5	56.0	4.5	43.0	48.4	58.5
LR1 (75.000 dwt)	54.0	52.0	3.8	42.0	45.8	54.0
MR (56.000 dwt)	40.0	39.0	2.6	32.5	35.1	40.0

TÀU CONTAINER

Post P.max (9.000 teu)	124.5	122.5	1.6	82.5	89.2	124.5
P.max (5.200 teu)	67.5	66.5	1.5	42.5	50.1	67.5
Sub P.max (2.5000 teu)	36.5	35.5	2.8	26.0	30.9	36.5
Feeder (1.700 teu)	28.0	27.0	3.7	18.6	22.8	28.0

TÀU GAS

LNG (175k cbm)	199.0	196.0	1.5	180.0	187.6	201.3
LPG LGC (80k cbm)	78.0	78.0	0.0	70.0	71.7	78.0
LPG MGC (55k cbm)	70.0	70.0	0.0	62.0	63.7	70.0
LPG SGC (25k cbm)	47.5	47.5	0.0	40.0	42.6	47.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU**3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:**

Phân khúc **Ultramax** và **Supramax** bước đầu khởi sắc trở lại sau 2 tuần giảm sâu. Thị trường tại Ấn Độ không bị ảnh hưởng nhiều thời gian qua, vẫn nghiêm nhiên hoạt động sôi nổi và duy trì cước tốt. Cước tăng trở lại 1.511 đô la Mỹ, ghi nhận đóng cửa ở mức 36.378 đô la Mỹ. Ở Đại Tây Dương, tàu *Pacific Advance* (63.507 dwt, đóng 2006) neo tại Houston được chốt chạy Morocco với giá 34.000 đô la Mỹ. Tàu *Medi Bangkok* (53.466 dwt, đóng 2006) neo tại Antwerp được chốt chạy 1 chuyến thời gian tối thiểu 80 ngày và trả trong khu vực Singapore-Nhật Bản với giá 47.000 đô la Mỹ. Ở Ấn Độ Dương, tàu *Alexandra KPN* (61.644 dwt, đóng 2019) được chốt chạy ngay từ Trincomolee qua Nam Phi đi Viễn Đông với giá 45.000 đô la Mỹ. Tàu *Darya Sati* (63.523 dwt, đóng 2018) được chốt giao ngay Hazira đi Bangladesh với giá 54.000 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, tàu *Wooyang Dandy* (56.819 dwt, đóng 2009) được chốt giao ngay Singapore qua Indonesia đi Trung Quốc với giá 41.000 đô la Mỹ. Tàu *Monica D* (52.478 dwt, đóng 2001) được chốt giao CJK đi chuyển chở hàng quanh CIS với giá 31.000 đô la Mỹ.

Thị trường phân khúc **Handysize** có tăng nhẹ thêm một chút song nhìn chung cước vẫn thấp so với tuần trước 1.368 đô la Mỹ, hiện đóng cửa ở mức 33.499 đô la Mỹ. Thị trường Đại Tây Dương là khu vực cước cao dẫn đầu. Hoạt động tại thị trường lục địa già cũng tương đối tích cực nhưng không nhiều ghi nhận giao dịch. Có tin một tàu khoảng 32k dwt được chốt chạy từ Morocco đi Baltic với giá 33.000 đô la Mỹ. Đầu tuần tại khu vực Địa Trung Hải, tàu *Western Panama* (39.3000 dwt, đóng 2015) neo tại Otranto được chốt chở thép chạy Vịnh Hoa Kỳ với giá 40.000 đô la Mỹ. Có tin Nova Marine Carriers chốt tàu *Pollux* (32.017 dwt, đóng 2007) với lịch trình giao ở Damietta qua Isdemir trả ở khu vực Amsterdam-Rotterdam-Antwerp-Ghent chở thép cuộn với giá 33.000 đô la Mỹ. Tàu *Everest K* (35.065 dwt, đóng 2009) được chốt ngược hướng từ Porto Marghera qua Thổ Nhĩ Kỳ, chạy khu vực lục địa già với giá 34.000 đô la Mỹ. Tàu *Unison Star* (38.190 dwt, đóng 2011) được chốt chạy đi Trung Quốc, trả ở Canakkale qua Biển Đen với giá 52.000 đô la Mỹ. Trong khi đó, hoạt động thuê tàu quanh vùng Vịnh Hoa Kỳ kém năng suất suốt quý II, đặc biệt là tháng trước, tuần nay lại khá sôi động. Western Bulk Carriers chốt tàu *Elisabeth Oldendorff* (38.330 dwt, đóng 2015) được chốt chạy từ Galveston đi bờ Tây Nam Mỹ với giá 32.000 đô la Mỹ. Clipper chốt tàu *Bona* (32.844 dwt, đóng 2012) neo tại bờ Đông Mexico chở thép qua phía Bắc Brazil đi Houston với giá 25.500 đô la Mỹ. Ở bờ Đông Mỹ, Norden chốt tàu *Vipha Naree* (38.851 dwt, đóng 2015) neo tại Savannah đi Mỹ, dự kiến chở gỗ pallet với giá 23.000 đô la Mỹ. Trong khi đó tại Nam Mỹ, XO chốt tàu *Hydra Dawn* (34.274 dwt, đóng 2013) giao Barranquilla đi Biển Đen, chở than cốc với giá 27.000 đô la Mỹ, Lauritzen chốt tàu *Promise 3* (32.312 dwt, đóng 2010) neo tại Maceio chạy qua River Plate và trả tại Brazil với giá 29.000 đô la Mỹ. Ở châu Á, thị trường lúc này chững lại với ít báo cáo được ghi nhận. Tàu *Sea Angel* (37.896 dwt, đóng 2016) neo tại Behai được chốt chạy qua Việt Nam đi Hàn Quốc, dự kiến chở đá vôi với giá 36.250 đô la Mỹ. Một tàu khoảng 28k dwt neo tại Trung Quốc được chốt chạy từ CIS và quay về trả ở Trung Quốc với giá 26.000 đô la Mỹ.

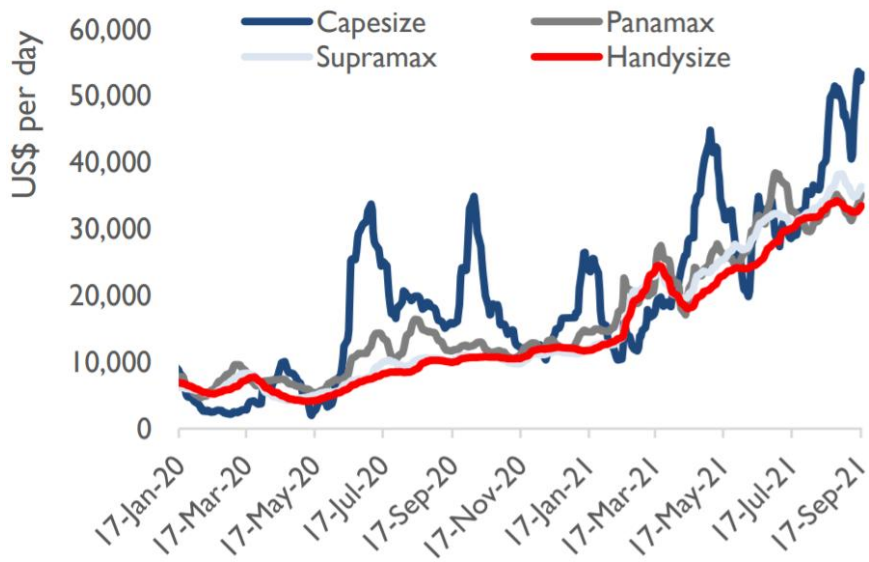
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 37/2021 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 37	TUẦN 36	Mức thấp nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 37)	Mức cao nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 37)
TRANSATLANTIC RV	35,625	26,215	16,608	45,050
TCT CONT/F.EAST	50,482	45,995	23,777	55,805
TCT F.EAST/CONT	19,881	19,501	4,471	19,986
TCT F.EAST RV	34,078	33,282	12,476	35,273
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	35,378	32,369	16,333	36,846
PACIFIC RV	35,386	34,200	9,408	37,350
TCT CONT/F.EAST	56,258	55,617	18,711	58,258

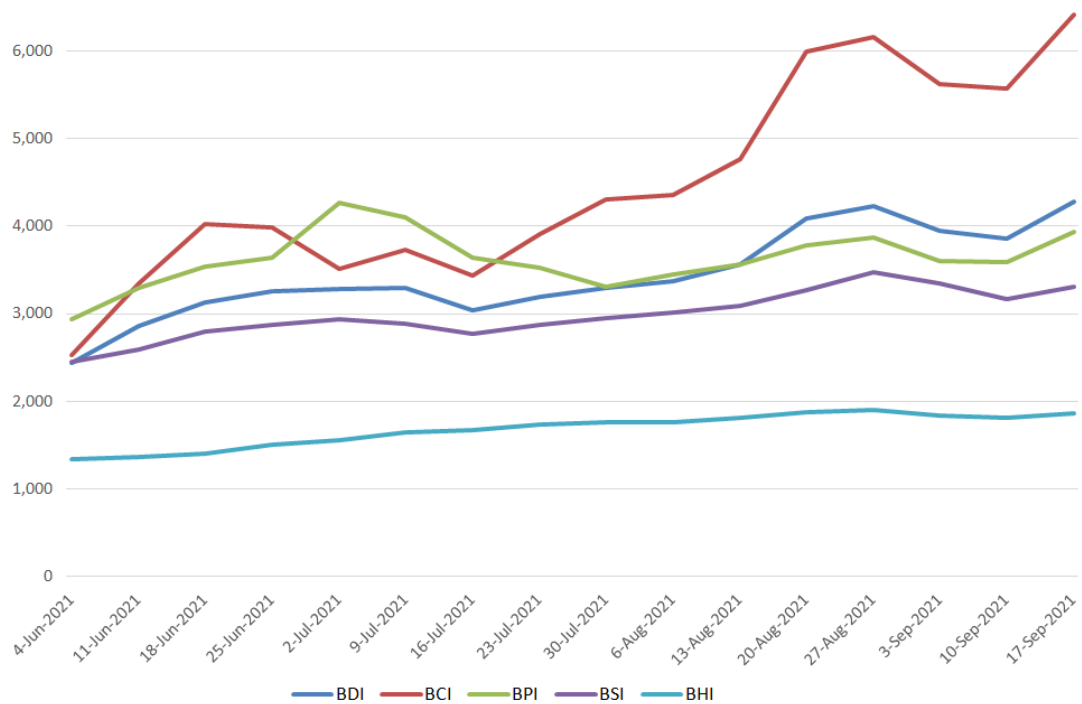
GIÁ THUÊ SPOT T/C TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 20/09/2021

	US\$/ngày		
SUPRAMAX	36,514	▲	1,532
SMALL HANDY (38BC)	33,773	▲	1,192
SMALL HANDY (28BC)	31,807	▲	1,192

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước 13/09/2021)



CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



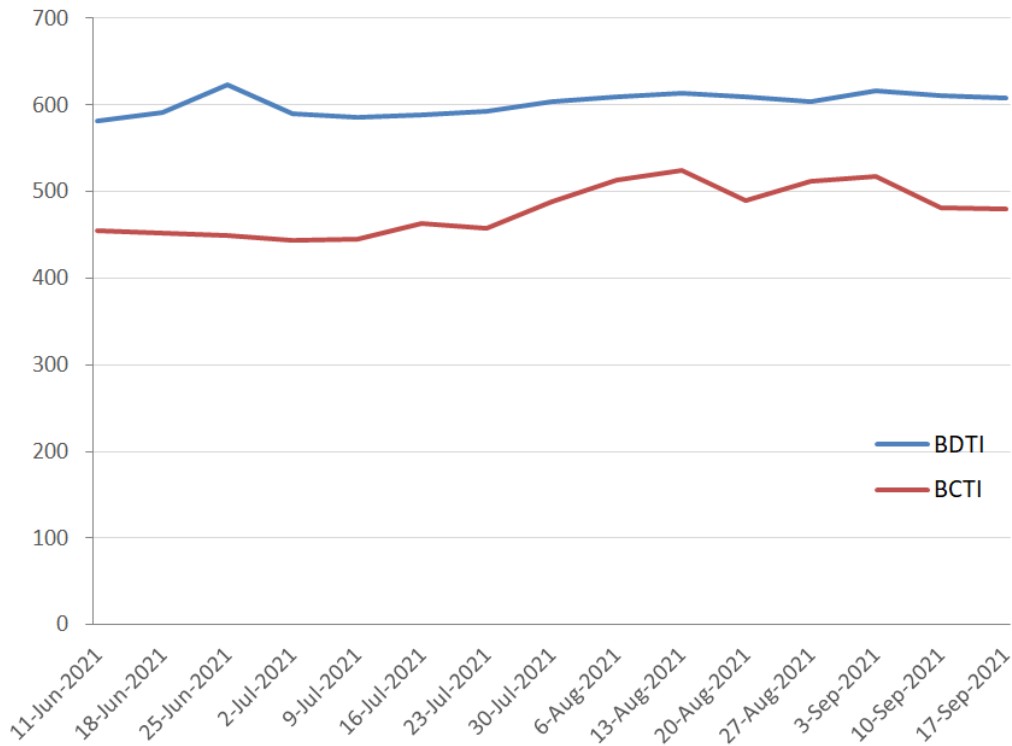
3.2. Thị trường thuê tàu dầu:

Ở mảng thuê tàu dầu, Vitol chốt tàu *Sparto* (115.468 dwt, đóng 2020 Hàn) khai thác 1-3 háng với giá 19.250 đô la Mỹ và Stena Bulk chốt tàu *Pratincole Pacific* (49.853 dwt, đóng 2020 Hàn) khai thác 6 tháng với giá 12.750 đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 37			Giá thuê tàu định hạn tuần 36		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	24,000	28,000	34,500	24,500	28,500	34,500
SUEZMAX	16,250	21,500	27,000	16,500	22,000	27,000
AFRAMAX	15,500	19,500	23,500	15,500	19,500	23,000
LR-2	16,500	21,000	24,500	16,750	21,250	24,250
LR-1	14,500	16,000	17,500	14,250	15,750	17,500
MR	13,000	14,000	16,500	12,500	13,500	16,250
HANDY	11,000	12,500	14,500	11,000	12,500	14,250

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

Năm 2008, thị trường phá dỡ đã chứng kiến mức giá phá dỡ cao kỷ lục 800 đô la Mỹ/LTD. Song, hiện tại với mức trung bình 600 đô la Mỹ/LTD cũng đủ ấn tượng và đây chắc chắn là mức cao nhất từng thấy sau 12 năm. Trong khi đó, hiện tại giá thép tấm vẫn liên tục biến động giảm trên diện rộng. Giá thép tại Ấn Độ và Pakistan cũng giảm nhẹ giữa tuần và tăng nhẹ lại vào cuối tuần. Riêng tại Bangladesh, giá thép theo đà giảm hẳn. Ngược lại tất cả ở phương Tây, thị trường Thổ Nhĩ Kỳ vẫn ổn định và có tăng nhẹ một chút. Bất chấp biến động giá, thị trường phá dỡ từ đây đến hết Quý 4/2021 vẫn cho thấy khả năng giá sụt giảm là tương đối thấp. Tuy nhiên, yếu tố đáng quan tâm nhất vẫn là tình hình kiểm soát dịch Covid-19 của các quốc gia. Ở thị trường Viễn Đông, nơi giao hàng, liên tục gặp trắc trở và bị trì hoãn bởi biến thể Delta lan rộng.

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	590		600	
2	Pakistan	580		590	
3	India	560		570	
4	Turkey	280		290	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 37/2021

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Hapon	Tanker	1997	47,342	Bangladesh	595.00	300,361	
Penny H	Tanker	1996	47,342	Undisclosed	598.00	300,361	Subcont ops
Peron	Tanker	1996	47,342	Undisclosed	598.00	300,361	Subcont ops
Loch Rannoch	Tanker	1996	26,221	Turkey	-	130,031	Sold earlier, green recycling
Cape Balder	Tanker	2000	22,657	Pakistan	610.00	159,938	
Aframax River	Tanker	1996	16,740	Bangladesh	-	107,131	
Escapade	Tanker	1998	16,696	Pakistan	613.00	107,181	
Kurushina	Tanker	1998	7,957	Bangladesh	-	30,957	Sold earlier
Ever Exuberant	Tanker	1994	5,989	Bangladesh	605.00	17,093	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*